

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-PT

Ngày 10 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Lưỡng và ông Nguyễn Đức Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý phúc thẩm số 21/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2025/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn D, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số D, phường L, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Đặng Quang T, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị T1, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đặng Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố số D, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số D, phường L, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

- Ông Đặng Quang K, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

- Bà Đặng Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số D, phường L, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

- Ông Đặng Quang H, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

- Ông Đinh Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố số B, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số B, phường L, tỉnh Ninh Bình). Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

- Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố số C, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số C, phường L, tỉnh Ninh Bình). Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

- Ông Đinh Đức L1, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố số C, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số C, phường L, tỉnh Ninh Bình). Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

- Ông Đinh Công H1, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố số D, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là: Tổ dân phố số D, phường L, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

- UBND phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND phường L, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố số B, phường L, tỉnh Ninh Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng Đ1, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

- UBND thị xã K, tỉnh Hà Nam. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND phường L, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố số B, phường L, tỉnh Ninh Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng Đ1, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

- Thuế cơ sở 10 tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Đường L, phường H, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thu P1 - Chi cục trưởng. Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

- Ông Đinh Hữu T2, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình). Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

- Ông Nguyễn Duy L2, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình). Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

- Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình). Xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn (ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, đơn khởi kiện, ý kiến của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

- *Về hàng thừa kế:* Cụ Đặng Quang K1, sinh năm 1936 (chết tháng 9/2021) và cụ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1937 (chết tháng 4/2009), sinh được 06 người con gồm: bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị L, ông Đặng Quang T, ông Đặng Quang K, bà Đặng Thị N và ông Đặng Quang H. Hai cụ không có con nuôi, con riêng.

- *Tài sản của cụ Đặng Quang K1 và cụ Nguyễn Thị H2 để lại gồm:* Thửa đất số 76, tờ bản đồ số PL8, diện tích đất 147m², tại tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình) đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Quang K1 và bà Nguyễn Thị H2 ngày 15/7/2003. Tài sản trên đất: Có 01 nhà cấp bốn 3 gian, ngoài ra không có cây trồng, tài sản gì khác trên đất.

- *Quá trình tặng cho quyền sử dụng đất:*

Ngày 19/8/2009, Bà Đặng Thị Đ nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ bố đẻ Đặng Quang K1, được UBND xã T chứng thực. Ngày 25/8/2009, trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã K đã xác nhận đăng ký biến động đất đai trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL812256 ngày 10/11/2008 đã cấp tên người sử dụng đất ông Nguyễn Quang K2, bà Nguyễn Thị H2 sang tên bà Đặng Thị Đ.

1. Nguyên đơn bà Đặng Thị Đ có ý kiến như sau:

Năm 2009, khi bà đang đi làm ăn ở Lâm Đồng, vì thương hoàn cảnh của bà không có chồng, con nên bố bà đã gọi bà về làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà nhà đất trên, các anh chị em bà đều nhất trí và đã được UBND phường T chứng thực ngày 19/8/2009. Và được Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã K đính chính sang tên quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị Đ.

Năm 2010, bà đã bỏ các chi phí để sửa chữa nhà cấp 4 của các cụ như dóc tường, lợp lại mái, lát nền, sơn nhà hết 108.000.000 đồng. Năm 2018, bà tôn sân, làm mái chống nóng, nhà mái bằng khoảng 35m², làm cổng, công trình phụ 15m² hết 380.000.000 đồng. Trong đó có phần lán lợp tôn xộp do ông H làm trị giá khoảng 29.800.000 đồng.

Về chi phí mai táng: Khi cụ K2 chết tháng 9/2021 chi phí mai táng do tất cả anh chị em cùng lo liệu, bà không đề nghị Tòa án xem xét về các chi phí này.

Ngày 14/9/2022, vợ chồng ông T bà T1 đã tự ý phá 3 gian nhà cấp 4, chỉ còn lại nhà mái bằng, công trình phụ và ộp chống nắng phía trước nhà, xây móng nhà trên đất. Nay xảy ra tranh chấp, chính quyền địa phương hòa giải không thành

Yêu cầu khởi kiện:

- Buộc ông T và bà T1 trả lại diện tích đất 147m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ PL8, tại tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình) được sang tên quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị Đ.

- Bồi thường thiệt hại tài sản là nhà cấp 4 trên đất ông T, bà T1 đã phá của bà số tiền 108.000.000 đồng.

- Nếu trường hợp yêu cầu khởi kiện của bà không được chấp nhận bà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản và khi chia di sản thừa kế bà xin nhận bằng đất, thanh toán bằng tiền cho các kỳ phần thừa kế còn lại.

2. Bị đơn ông Đặng Văn T3 và bà Đặng Thị T1 cùng có ý kiến như sau:

Về hàng thừa kế, diện thừa kế của cụ Đặng Quang K1 và cụ Nguyễn Thị H2 là đúng. Cụ H2 chết không để lại di chúc. Trước khi chết cụ K1 có để lại di chúc lập ngày 13/02/2021, nội dung di chúc cho bà Đ và ông T3 cùng sử dụng diện tích đất 147m², thửa đất số 76, tờ bản đồ PL8 và sau này ông T3 được quyền sở hữu mảnh đất bố mẹ để lại để thờ cúng bố mẹ. Di chúc có cụ K1, ông T3, ông H ký.

Năm 2008, lần đầu bà Đ về sửa nhà cấp 4, tiền vợ chồng ông bà đóng góp tiền cửa là 15.000.000 đồng, vợ chồng bà xây thêm 01 gian và công trình phụ, bà Đ đổ trần, lát nền, trát tường. Lần thứ hai xây sửa, bà Đ có bàn bạc với ông bà xây sửa nhà cho bố ở, xây công trình phụ ông bà có nói là hai chị em cùng làm, xây thêm 01 gian nữa để có công việc cho rộng rãi. Bà Đ đưa ông T3 20.000.000 đồng, ông T3 đứng lên xây dựng gần xong, tiền của vợ chồng ông bà là 20.000.000 đồng thì cụ K3 không cho vợ chồng ông bà xây nữa. Vợ chồng ông bà xây đến khi đổ mái là hết hơn 40.000.000 đồng, phần còn lại đổ mái, trát, lát nền bà Đ làm, bà Đ xây hết bao nhiêu ông bà không nắm được. Sau đó, vợ

chồng ông bà cứ để bà Đ xây dựng thêm nhà mái bằng một tầng, nhà bếp, công trình phụ.

Ngày 14/9/2021, vợ chồng ông bà đã phá nhà cấp 4 của các cụ để xây dựng nhà thờ có sự nhất trí của các anh em, vì ông T3 là con trai trưởng nên có trách nhiệm phá nhà cấp bốn của các cụ đã xuống cấp xây nhà thờ để thờ cúng tổ tiên. Tháng 4/2022 bà Đ có về quê, ông T3 giao chìa khóa nhà của các cụ cho bà Đ để tiện đi về nhưng phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T3 quản lý vì bà Đ nói với chồng bà đã cầm cố giấy tờ đất của các cụ. Sau đó, bà Đ không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện vẫn giữ 01 chìa khóa cổng, 01 chìa khóa nhà, thỉnh thoảng bà Đ mới về quê, còn trách nhiệm thờ cúng bố mẹ vẫn do vợ chồng bà làm. Vợ chồng bà không nhất trí với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà UBND xã T và thay đổi quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sang tên cho bà Đ.

Nay bà Đ khởi kiện, vợ chồng bà không nhất trí. Ông bà đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được sang tên cho bà Đ và phân chia tài sản của cụ K1 và cụ H2 theo pháp luật.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị L, ông Đặng Quang K, bà Đặng Thị N và ông Đặng Quang H đều có ý kiến như sau: Nhất trí với ý kiến của bà Đ cụ thể: Khi bố mẹ ông bà chung sống có tài sản là diện tích đất 147m², thửa đất số 76, tờ bản đồ PL8, tại tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố số A, phường L, tỉnh Ninh Bình) đã được UBND thị xã K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Quang K1 và bà Nguyễn Thị H2 ngày 15/7/2003, trên đất có 01 nhà cấp bốn 3 gian, ngoài ra không có cây trồng, tài sản gì khác trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại bà Đ vẫn đang giữ và không bị cầm cố thế chấp gì. Năm 2003, khi cụ H2 còn sống đã nói bằng lời là sẽ cho bà Đ nhà đất của bố mẹ nhưng do cụ H2 chết đột ngột nên không kịp để lại di chúc.

Năm 2009, khi bà Đ đang đi làm ăn ở Lâm Đồng, vì thương hoàn cảnh của bà Đ không có chồng, con nên cụ K1 đã gọi bà Đ về làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, nhà trên đất. Các anh chị đều nhất trí và đã được UBND xã T (nay là UBND phường T) làm các thủ tục về đất. và được sang tên bà Đặng Thị Đ quyền sử dụng đất. Năm 2010, bà Đ đã bỏ các chi phí để sửa chữa nhà cấp 4 của các cụ như dóc tường, lợp lại mái, lát nền, sơn nhà hết 108.000.000đồng. Năm 2018, bà Đ tôn sân, làm mái chống nóng, nhà mái bằng khoảng 35m², làm cổng, công trình phụ 15m² hết 380.000.000đồng.

Về di chúc: Khi bà Đ không có nhà, ông T3 và bà T1 đã đọc cho con gái ông là cháu T4 viết di chúc ngày 13/02/2021, ông bà khẳng định không phải là di chúc tự nguyện của cụ K3, không có ai chứng kiến ngoài ông T3, bà T1, ông

H, cụ K1, cháu T4 nên ông H không đề nghị Tòa án xem xét về di chúc này.

Đến tháng 9/2021, cụ K1 chết do già yếu, không để lại di chúc. Khi cụ K1 chết chi phí ma chay do tất cả anh chị em cùng lo liệu, các ông, bà không đề nghị Tòa án xem xét về các chi phí này. Đến giỗ đầu cụ K1, bà Đ về thì các anh chị em đến hỏi giỗ, vợ chồng ông T3 đã chửi bới, xúc phạm và phóng dao vào bà N và đánh bà Đ bị ngất.

Ngày 14/9/2022, vợ chồng ông T3 bà T1 đã tự ý phá 3 gian nhà cấp 4, chỉ còn lại nhà mái bằng, công trình phụ và ốp chống nắng phía trước nhà, xây móng nhà trên đất. Nay xảy ra tranh chấp, chính quyền địa phương hòa giải không thành.

Nay bà Đặng Thị L, ông Đặng Quang K, bà Đặng Thị N và ông Đặng Quang H đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Nếu Tòa án chia thừa kế tài sản các ông bà nghị chia tài sản của cụ K1 cụ H2 theo pháp luật các ông bà xin nhận bằng hiện vật và giao lại cho bà Đ quản lý sử dụng. Ông H tự nguyện tặng cho lại phần mái tôn và công sắt ông đã làm giao cho bà Đ quản lý, sử dụng;

3.2. UBND huyện K (nay là UBND Phường L) có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 1987, sổ mục kê năm 1987 của xã T thể hiện thửa đất số 173, tờ bản đồ số 3, diện tích 240m² đất thổ cư đứng tên ông Đặng Quang K1. Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 2000 thể hiện thửa số 76 tờ bản đồ 8, diện tích 267m², gồm: Đất thổ cư 228m², đất vườn 39m² đứng tên ông K1. Năm 2003 UBND xã T thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã T được UBND huyện phê duyệt tại quyết định 725/QĐ-UBND ngày 15/7/2003, trong đó có ông K1 và bà H2 được cấp giấy chứng nhận số X637862 tại thửa 76, tờ PL8, diện tích 267m², gồm: 228m² đất ở, 39m² đất vườn.

Về quá trình biến động: Ngày 24/10/2008 ông K1 và bà H2 làm thủ tục tặng một phần cho con trai, thửa 76, tờ PL8 được tách ra làm hai thửa: Thửa 76, tờ PL8 diện tích 147m² đất ở đứng tên ông Đặng Quang K1 và vợ là bà Nguyễn Thị H2, Thửa 365, tờ PL8, diện tích đất 120m² đứng tên ông Đặng Quang H (là con trai). Ngày 19/8/2009, Phòng T tiếp nhận hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của ông Đặng Quang K1. Ngày 25/8/2009 được Phòng T xác nhận tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1959, trú tại xóm C, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam nhận quyền sử dụng đất được UBND xã T chứng thực ngày 19/8/2009, Chi cục thuế xác nhận đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính ngày 20/8/2009.

3.3. Chi cục thuế khu vực P - K, do bà Lê Thị Phương A trình bày: Căn cứ hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng bất động

sản, cơ quan thuế kiểm tra, xác định số thuế phải nộp và thông báo số thuế phải nộp trong ba ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Thông báo thuế được gửi trực tiếp cho người nộp thuế ... Trường hợp là đối tượng được miễn thuế, cơ quan thuế sẽ xác nhận tờ khai và chuyển cơ quan quản lý bất động sản, cơ quan quản lý bất động sản chỉ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sở hữu bất động sản khi đã có chứng từ nộp thuế thu thập cá nhân hoặc xác nhận của cơ quan thuế.

3.4. Ông Đinh Công H3 trình bày: Ông nguyên là phó chủ tịch UBND xã T. Ông không có quan hệ họ hàng, mâu thuẫn gì với gia đình cụ Đặng Quang K1 và cụ Nguyễn Thị H2. Vào năm 2009, cụ Đặng Quang K1 đến UBND xã T trình bày vợ cụ là H2 đã chết, cụ có nguyện vọng sang tên thừa đất cho con gái là bà Đặng Thị Đ ở, sau này bà Đ chết thì làm nơi thờ cúng chứ không được bán đi. Để tạo điều kiện nguyện vọng của công dân, sáng ngày 02/7/2009, ông Đinh Đức L1 là cán bộ địa chính xã và ông Nguyễn Bá P là cán bộ tư pháp xã được đồng chí V là chủ tịch UBND xã phân công đã đến trực tiếp nhà những người làm chứng là ông Đinh Hữu T2 và ông Nguyễn Duy L2 xác minh và thực hiện các thủ tục để sang tên cho bà Đ theo trình tự, quy định của pháp luật. Các thủ tục thông báo thừa kế do đồng chí L2, đồng chí P thực hiện theo quy định và ý chí có mặt của cụ K1 trình ông ký, các chữ ký đúng là chữ ký của ông, các thủ tục này UBND xã đã niêm yết. Do sức khỏe của ông không được tốt nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.5. Ông Đinh Đức L1 trình bày: Ông nguyên là cán bộ địa chính xã T năm 2009 cụ Đặng Quang K1 đến UBND xã T trình bày vợ cụ là H2 đã chết, cụ có nguyện vọng sang tên thừa đất cho con gái là bà Đặng Thị Đ ở, sau này bà Đ chết thì làm nơi thờ cúng chứ không được bán đi. Để tạo điều kiện nguyện vọng của công dân, sáng ngày 02/7/2009, ông và ông Nguyễn Bá P là cán bộ tư pháp được lãnh đạo phân công đến trực tiếp nhà những người làm chứng là ông Đinh Hữu T2 và ông Nguyễn Duy L2 làm thủ tục xác minh, ông đã cùng đồng chí P lập biên bản xác minh làm chứng ghi lại đúng ý kiến của ông T2 và ông Nguyễn Duy L2. Biên bản xác minh do đồng chí Phúc lập tại nhà ông T2 và ông Nguyễn Duy L2. UBND xã không nhận được bản di chúc của cụ H2 và cụ K1 mà chỉ ghi nhận bằng lời của các cụ về thừa kế. Các thủ tục về sang tên thừa kế cho bà Đ thừa đất của cụ K1 là do ông và đồng chí P làm theo ý kiến của cụ K1. Do công việc bận nên ông đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Bá P trình bày: Ông nguyên là cán bộ tư pháp xã T. Ngày tháng ông không nhớ cụ thể nhưng vào năm 2009 cụ Đặng Quang K1 đến UBND xã T trình bày vợ cụ là H2 đã chết, cụ có nguyện vọng sang tên thừa đất cho con gái là bà Đặng Thị Đ ở, sau này bà Đ chết thì làm nơi thờ cúng chứ

không được bán đi. Để tạo điều kiện nguyện vọng của công dân, sáng ngày 02/7/2009, ông và ông Đinh Đức L1 được lãnh đạo phân công đến trực tiếp nhà những người làm chứng là ông Đinh Hữu T2 và ông Nguyễn Duy L2 làm thủ tục xác minh, ông đã cùng đồng chí L2 đã lập biên bản xác minh làm chứng ghi lại đúng ý kiến của ông T2 và ông Nguyễn Duy L2.

- Ông Đinh Văn V trình bày: Ông nguyên là Chủ tịch UBND xã T, năm 2009 cụ Đặng Quang K1 đến UBND xã trình bày vợ cụ là cụ H2 đã chết, cụ có nguyện vọng làm thủ tục sang tên thừa đất của vợ chồng cụ cho con gái là Đặng Thị Đ không có chồng con. Với cương vị là chủ tịch, ông đã hướng dẫn cụ K1 gặp ông Nguyễn Bá P là cán bộ tư pháp xã và ông Đinh Đức L1 là cán bộ địa chính xã. Sáng ngày 02/7/2009, ông đã phân công ông Đinh Công H3 là phó chủ tịch UBND xã chỉ đạo ông L1 và ông P mang biên bản xác minh làm chứng có chữ ký của hai người làm chứng là ông Nguyễn Duy L2, ông Đinh Hữu T2 với nội dung nguyện vọng về thừa đất các cụ để cho bà Đ ở và sau này làm nhà thờ, không được bán. Tin tưởng vào trình độ chuyên môn của cán bộ UBND xã nên ông đã ký vào biên bản để tạo điều kiện theo nguyện vọng của công dân. Nay xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do sức khỏe của ông không được tốt nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Những người làm chứng trình bày:

4.1. Ông Đinh Hữu T2 và ông Nguyễn Duy L2 trình bày: Khi ông K1 còn sống, ông K1 đã nhiều lần nói sẽ cho nhà đất cho chị Đ không có chồng con. Trước ngày 02/7/2009 vài ngày ông K1 có sang nhà mang tờ giấy trắng bảo ông ký trước để làm thủ tục sang tên nhà đất cho chị Đ nhưng ông không ký (ông T2). Sáng ngày 02/7/2009 ông K1 mang biên bản xác minh làm chứng do UBND xã T đã lập sẵn đến nhà bảo các ông ký. Ông K1 có nói với các ông là sẽ cho chị Đ nhà đất và đang làm thủ tục ở UBND xã T, bảo các ông ký vào biên bản xác minh làm chứng, còn nội dung các ông cũng chưa đọc. Khi đó các ông cũng chỉ nghĩ là nhà đất bố cho con nên cũng ký vào, các ông nghĩ làm giúp ông K1 chứ không có mục đích gì khác. Khi đó không có mặt các ông V, L2, P, lúc đó có mặt ông, ông K1 và chị Đ. Ông chưa được nghe bà H2 nói sẽ cho nhà đất cho chị Đ tại buổi liên hoan ngõ xóm lần nào. Ông chỉ nghe ông K1 nói biên bản xác minh làm chứng được lập ở UBND xã T, còn lập ở đâu, do ai lập, ai tham gia các ông không biết, các ông chỉ biết ông K1 mang sang bảo các ông ký để làm thủ tục cho nhà đất cho chị Đ, các ông chỉ ký giúp ông K1 để ông K1 làm thủ tục cho chị Đ. Chữ ký, chữ viết do các ông ký vào biên bản xác minh người làm chứng là hoàn toàn tự nguyện và không yêu cầu giám định. Ông K1 bà H2 có để lại di chúc không các ông không biết, bà H2 chết đột ngột, thời điểm ngày 02/7/2009 ông K1 vẫn khỏe mạnh tinh tảo và đi lại được. Trên đất có 01 nhà cấp 04 ba gian do ông K1 bà H2 xây dựng, sau đó chị Đ có xây thêm nhà mái bằng,

anh H làm mái tôn để xe. Đầu năm 2022 các ông có nghe vợ chồng anh T3 phá dỡ nhà cấp bốn của vợ chồng cụ K1. Nay xảy ra tranh chấp các ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4.2. Ông Nguyễn Văn Q1 trình bày: Khoảng tháng 9/2021 ông bà Thành T5 có thuê cải tạo lại ngôi nhà để thờ cúng, Trong quá trình đang xây dựng UBND xã đến yêu cầu dừng không cho xây. Tổng số tiền xây đến khi thanh toán hết 27.000.000đồng. Do công việc bận ông đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Ninh Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 3 khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 161; Điều 165; Điều 217; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 38 Luật đất đai năm 1993. Điều 100; Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 628, 632; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 122, 135, 137 Bộ luật Dân sự 2005. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại số tiền 108.000.000 đồng của bà Đặng Thị Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ.

3. Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 19/8/2009, đối với 1/2 phần tài sản chung của cụ Đặng Quang K1 trong khối tài sản chung của cụ K1 và cụ H2 là quyền sử dụng diện đất thửa đất 76, tờ bản đồ PL8, diện tích 73,5m² tặng cho bà Đặng Thị Đ là hợp pháp và vô hiệu 1/2 phần tài sản chung của cụ Nguyễn Thị H2 trong khối tài sản chung của cụ K1 và cụ H2 là quyền sử dụng diện tích đất 73,5m² tại thửa đất 76, tờ bản đồ PL8 tặng cho bà Đặng Thị Đ tại thôn A, xã T, huyện K (nay là tổ dân phố số A, phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam.

Xử lý hậu quả Hợp đồng vô hiệu: 1/2 di sản là quyền sử dụng diện tích đất 73,5m² tại thửa đất 76, tờ bản đồ PL8 của cụ Nguyễn Thị H2 trong khối tài sản chung của cụ K1 và cụ H2 là di sản thừa kế.

4. Xác định cụ Đặng Quang K1 chết ngày 09/9/2021. Cụ Nguyễn Thị H2 chết ngày 17/4/2009.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị H2 gồm: Cụ Đặng Quang K1, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị L, ông Đặng Quang T, ông Đặng Quang K, bà Đặng Thị N, ông Đặng Quang H.

5. Công nhận di sản hợp pháp của cụ Đặng Quang K1 là ½ quyền sử dụng

diện tích đất $73,5\text{m}^2$ tại thửa đất 76, tờ bản đồ PL8, tại thôn A, xã T, huyện K (nay là tổ dân phố số A, phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam có giá trị 220.500.000đồng.

6. Xác định cụ Đặng Quang K1 và 06 người con đẻ là bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị L, ông Đặng Quang T, ông Đặng Quang K, bà Đặng Thị N, ông Đặng Quang H được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thị H2 để lại tại thửa đất 76, tờ bản đồ PL8, tại thôn A, xã T, huyện K (nay là tổ dân phố số A, phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam là ngang nhau, mỗi kỹ phần có giá trị 31.500.000đồng.

7. Xác định phần bà Đặng Thị Đ được tặng cho từ cụ Đặng Quang K1 là $1/2$ quyền sử dụng diện tích đất $73,5\text{m}^2$ tại thửa đất 76 có giá trị 220.500.000đồng và một kỹ phần thừa kế của cụ K1 được hưởng từ cụ Nguyễn Thị H2 là $10,5\text{m}^2 = 31.500.000\text{đồng}$. Tính cả kỹ phần bà Đ được hưởng từ cụ H2 là $10,5\text{m}^2 = 31.500.000\text{đồng}$ thì bà Đ được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích $94,5\text{m}^2$ có tổng giá trị là 283.500.000đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Đặng Thị L, Đặng Quang K, Đặng Thị N, Đặng Quang H tặng cho bà Đặng Thị Đ 04 kỹ phần $\times 10,5\text{m}^2 = 42.000.000$ đồng. Tổng bà Đ được nhận và hưởng từ việc phân chia di sản thừa kế của cụ H2 là $6/7$ kỹ phần $\times 10,5\text{m}^2 = 63\text{m}^2 = 189.000.000$ đồng. Như vậy, bà Đ được cụ K1 tặng cho riêng và các đồng thừa kế tặng cho từ việc phân chia di sản thừa kế của cụ H2 là $73,5\text{m}^2 + 63\text{m}^2 = 136,5\text{m}^2/147\text{m}^2 = 441.000.000$ đồng.

8. Giao cho bà Đặng Thị Đ được quản lý, sử dụng diện tích đất 147m^2 trị giá 441.000.000 đồng, thửa số 76, tờ bản đồ PL8 tại thôn A, xã T, huyện K (nay là tổ dân phố số A, phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện K (nay là UBND thị xã K) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Quang K1 và bà Nguyễn Thị H2 ngày 15/7/2003 cùng các tài sản trên đất gồm nhà mái bằng 01 tầng xây dựng năm 2018, mái tôn, trụ cổng, tường rào, sân lát bê tông; cổng sắt hộp; phần móng do ông T bà T5 xây. Bà Đặng Thị Đ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho ông Đặng Quang T số tiền 31.500.000đồng và giá trị phần móng nhà có giá trị 13.858.495 đồng do vợ chồng ông Đặng Quang T xây dựng.

Bà Đặng Thị Đ có nghĩa vụ thực hiện các quy định của pháp luật về đăng ký biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự.

* Trong thời hạn luật định, bị đơn là ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1 có đơn kháng cáo đề ngày 31/5/2025 đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để Tòa án cấp sơ

thẩm ra quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật. Vì không có tranh chấp thừa kế, không có tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo như đã nêu trên. Và tự ý bỏ về không tham gia phiên tòa.

- Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có quan điểm:

+ Về tố tụng: Đơn kháng cáo Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1 trong thời hạn luật định. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án; nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Người kháng cáo có mặt tại phiên tòa phúc thẩm sau đó tự ý bỏ về không tham gia phiên tòa là từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình nên đề nghị xét xử theo thủ tục chung.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn (ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1). Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình).

+ Án phí phúc thẩm: Ông T, bà T1 phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1 đảm bảo thời hạn, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa người kháng cáo cho rằng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã từng giải quyết vụ án khác ở huyện L, tỉnh Hà Nam cũ không đúng vì vậy xin thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Xét thấy lý do xin thay đổi người tiến hành tố tụng không có cứ theo quy định tại Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phiên toà vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng họ không có quyền lợi liên quan đến vụ án, người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên không chấp nhận ý kiến của người kháng cáo đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập họ tham gia phiên tòa (mặt khác họ đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt). Người kháng cáo gây mất trật tự phiên tòa và tự ý bỏ về không tham gia phiên tòa là từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn là ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1, thấy rằng:

[3.1]. Hàng thừa kế: Trong vụ án các đương sự không có tranh chấp về hàng thừa kế, tài sản nhà đất của cụ Đặng Quang K1 và cụ Nguyễn Thị H2 để lại. Vì vậy đủ căn cứ xác định: Vợ chồng cụ Đặng Quang K1, sinh năm 1936 (chết tháng 9/2021) và cụ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1937 (chết tháng 4/2009) sinh được 06 người con gồm: bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị L, ông Đặng Quang T, ông Đặng Quang K, bà Đặng Thị N, ông Đặng Quang H. Cụ K1 và cụ H2 không có con nuôi, con riêng; các cụ thân sinh ra cụ K1, cụ H2 đều đã chết. Cụ K1 cụ H2 trước khi chết không để lại di chúc.

Bà Đặng Thị T1, ông Đặng Quang T có xuất trình 01 bản di chúc của cụ K1 đề ngày 13/02/2021. Tuy nhiên, qua xem xét bản di chúc của cụ K1, thì thấy: Đây là di chúc bằng văn bản có người làm chứng nhờ người khác viết hộ theo quy định tại Điều 628 Bộ luật Dân sự 2015, người làm chứng trong di chúc là ông T và ông H đều là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ K1, cụ H2 vi phạm Điều 632 Bộ luật Dân sự nên bản di chúc là không hợp pháp. Mặt khác cụ Đặng Quang K1 khi sống, năm 2009 đã định đoạt tài sản nhà đất cho người khác theo quy định của pháp luật. Cáp sơ thẩm nhận định di chúc vô hiệu là có căn cứ.

Di sản cụ K1, cụ H2 để lại là thửa đất số 76, tờ bản đồ PL 8, diện tích đất 147m² đứng tên ông Đặng Quang K1 và bà Nguyễn Thị H2 đã được UBND huyện K cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/11/2008, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL812266. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà Đặng Thị Đ đang quản lý, không bị cầm cố thế chấp.

Do bà Đặng Thị Thúy K4 công, cản trở việc xem xét thẩm định định giá tài sản nên Hội đồng chỉ xem xét, thẩm định, định giá tài sản như sau: Diện tích đất 147m² x 3.000.000đồng/m² = 441.000.000 đồng; nhà mái bằng 01 tầng do bà Đ xây dựng năm 2018 trị giá 145.393.365 đồng; phần mái lợp tôn xộp do ông H làm có giá trị 5.664.859 đồng; móng nhà do vợ chồng ông T bà T1 xây dựng có giá trị 13.858.495đồng. Tổng giá trị tài sản nhà, đất là 610.686.025 đồng.

Đối với nhà ngói 3 gian cấp 4 của cụ K1, cụ H2 do vợ chồng ông T, bà T1 đã phá dỡ và xây móng nhà nên Hội đồng định giá tài sản không tiến hành xem

xét, định giá được, các đương sự cũng không xác định được giá trị. Các đương sự không ai khiếu nại, thắc mắc gì về kết quả xem xét, thẩm định, định giá.

[3.2]. Nguyên đơn về yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thấy:

Ngày 19/8/2009, cụ Đặng Quang K1 tặng cho quyền sử dụng đất đối với bà Đặng Thị Đ được UBND xã T chứng thực. Ngày 25/8/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Hà Nam xác nhận nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý vào trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung bà Đặng Thị Đ nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, theo luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm cụ K1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với bà Đ thì cụ K1 và cụ H2 mỗi người có quyền sử dụng 1/2 diện tích đất, nên phần của cụ K1 thì cụ có quyền định đoạt, còn 1/2 diện tích đất là di sản của cụ H2 thuộc quyền được hưởng của cụ K1 và 6 người con là bà Đ, bà L, ông T, ông K, bà N, ông H. Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đặng Quang K1 và bà Nguyễn Thị H2 nên ông K1 bà H2 có quyền tặng cho quyền sử dụng đất.

Thời điểm cụ K1 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, cụ K1 hoàn toàn minh mẫn, việc tặng cho quyền sử dụng đất là tự nguyện, thể hiện đầy đủ nguyện vọng và ý chí của cụ, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, do đó phần tài sản chung hợp nhất của hai cụ được chia chia đôi, cụ thể $147\text{m}^2 : 2 = 73,5\text{m}^2/01$ người nên cần công nhận quyền sử dụng diện tích đất $73,5\text{m}^2$ của cụ Đặng Quang K1 tặng cho bà Đặng Thị Đ là có hiệu lực pháp luật.

Đối với phần di sản cụ H2 là quyền sử dụng diện tích đất $73,5\text{m}^2$ thời điểm tháng 8/2009 cụ Đặng Quang K1 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất khi đó cụ Nguyễn Thị H2 đã chết tháng 4/2009. Cụ H2 chết trước khi cụ K1 làm hợp đồng tặng cho tài sản, mặt khác cụ H2 chết không để lại di chúc là sẽ cho bà Đ 1/2 thửa đất tài sản chung với cụ K1 không uỷ quyền nên cụ K1 không có quyền định đoạt phần di sản của cụ H2.

Việc cụ K1 làm hợp đồng tặng cho bà Đ cả phần di sản của cụ H2 là vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005 nên phần của di sản của cụ H2 không có hiệu lực pháp luật (Vô hiệu một phần). Căn cứ Điều 135 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu từng phần nhưng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của phần còn lại của giao dịch. Do đó công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực một phần đối với diện tích đất $73,5\text{m}^2$ của cụ K1 tặng cho bà Đ và vô hiệu một phần đối với diện tích đất $73,5\text{m}^2$ của cụ H2 tặng cho bà Đ.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: “2. Khi

giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; ..." nên 1/2 di sản là diện tích đất 73,5 m² tại thửa đất số 76, tờ bản đồ PL8 của cụ Nguyễn Thị H2 trong khối tài sản chung của cụ K1 và cụ H2 là di sản phân chia thừa kế.

[3.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu chia phần di sản của cụ Nguyễn Thị H2 là diện tích đất 73,5m² thấy:

Cụ H2 chết năm 2009 để lại di sản là bất động sản. Ngày 28/12/2023 bà Đ thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ H2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015, khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ H2 vẫn còn hiệu lực.

Về hàng thừa kế và kỹ phần thừa kế: Hàng thừa kế theo pháp luật của cụ H2 gồm: Cụ K1, bà Đ, bà L, ông T, ông K, bà N, ông H.

Chia phần di sản thừa kế diện tích đất 73.5m² của cụ Nguyễn Thị H2 trong thửa đất số 76, tờ bản đồ PL8 thành 07 phần bằng nhau: $73.5\text{m}^2 : 7 = 10,5\text{m}^2/01$ kỹ phần. Mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỹ phần tương đương với $10,5\text{m}^2 \times 3.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 31.500.000$ đồng.

- Về phân chia bằng hiện vật: nguyện vọng của cụ K1, bà N, ông H, bà L, ông K đều nhất trí tặng cho kỹ phần của mình cho bà Đ là không trái với đạo đức và các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy cả kỹ phần thừa kế bà Đ được hưởng là (06 kỹ phần) tương đương với $10,5\text{m}^2 \times 6 = 63 \text{ m}^2$. Bà Đặng Thị Đ được nhận cho riêng từ cụ K1, kỹ phần bà được hưởng, kỹ phần được tặng cho từ 05 đồng thừa kế: $\text{Tổng } 63 \text{ m}^2 + 73,5 \text{ m}^2 = 136,5 \text{ m}^2$. Về cơ bản tài sản trên đất là do bà Đặng Thị Đ xây dựng trị giá 145.393.365 đồng, riêng phần mái lợp tôn xộp do ông H làm có giá trị 5.664.859 đồng; phần móng là do vợ chồng bà T1, ông T xây dựng là 13.858.495 đồng. Ông T được hưởng di sản thừa kế từ cụ H2 là $10,5 \text{ m}^2 \times 3.000.000\text{đồng/m}^2 = 31.500.000$ đồng chưa đủ diện tích để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho từng người. Do đó giao toàn bộ thửa đất số 76, tờ bản đồ PL8, diện tích đất 147 m² cho bà Đặng Thị Đ được quyền sử dụng và thanh toán cho ông T (01 kỹ phần thừa kế) là 31.500.000đồng. Trên đất vợ chồng ông T đã xây dựng móng nhà hết số tiền 13.858.495 đồng (kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện K), bà Đ được sở hữu toàn bộ thửa đất và các tài sản trên đất do đó cần giao cho bà Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1 số tiền giá trị phần móng nhà có giá trị 13.858.495 đồng do vợ chồng ông Đặng Quang T xây dựng, bà Đ cũng tự nguyện trả cho ông T và bà T1 số tiền 13.858.495 đồng, đồng thời thanh toán cho ông H phần mái lợp tôn xộp có giá trị 5.664.859 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm, ông H có nguyện vọng tặng cho bà Đ phần lán lợp tôn xộp và không yêu cầu bà Đ phải thanh toán nên chấp nhận nguyện vọng của ông H.

* Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại nhà 03 gian cấp 4 trị giá 108.000.000đồng, do bị đơn đã phá dỡ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút phần yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện. Do đó Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại tài sản là phù hợp.

[3.4] Đối với yêu cầu của bà Đặng Thị T1 về công sức đóng góp:

Bà T1 trình bày trong thời gian cụ K1 còn sống, năm 2008, lần đầu bà Đ về sửa nhà cấp 4, tiền vợ chồng bà đóng góp tiền cửa là 15.000.000đồng, vợ chồng bà xây thêm 01 gian và công trình phụ, bà Đ đổ trần, lát nền, trát tường. Lần thứ hai xây sửa, bà Đ có bàn bạc với chồng ông bà xây sửa nhà cho bố ở, xây công trình phụ ông bà có nói là hai chị em cùng làm. Bà Đ đưa ông T 20.000.000 đồng, ông T đứng lên xây dựng gần xong, tiền của vợ chồng ông bà là 20.000.000đồng. Vợ chồng ông bà xây đến khi đổ mái là hết hơn 40.000.000đồng, phần còn lại đổ mái, trát, lát nền bà Đ làm nhưng bà T1 không xuất trình được các tài liệu chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị T1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL812256 ngày 10/11/2008 đã cấp tên người sử dụng đất ông Nguyễn Quang K2, bà Nguyễn Thị H2 sang tên bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1959, nơi cư trú tổ dân phố số A, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam nhận quyền sử dụng đất, được UBND phường T chứng thực ngày 19/8/2009, Chi cục thuế xác nhận đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính ngày 20/8/2009 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Cấp sơ thẩm giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của bị đơn (ông Đặng Văn T3 và bà Đặng Thị T1) là không có căn cứ nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T3 và bà T1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn là ông Đặng Văn T3 và bà Đặng Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị T1 phải chịu 300.000 đồng. Được đối trừ với số tiền 300.000 đồng ông T, bà T1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002381 ngày 09/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Ninh Bình).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện KSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND khu vực 5 - Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Trường